

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ**

Số: **1748** UBND-YT

V/v hướng dẫn chấm điểm, đánh giá,
xếp loại công tác ATTP năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cửa Lò, ngày **01** tháng 11 năm 2022

Kính gửi:

- Trưởng các phòng, ban ngành, đơn vị cấp thị liên quan;
- UBND các phường

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về tiêu chí chấm điểm và quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Để triển khai kịp thời, hiệu quả công tác đánh giá, xếp loại về an toàn thực phẩm, UBND thị xã hướng dẫn triển khai chấm điểm, đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm năm 2022 theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An như sau:

1. Quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm đảm bảo tuân thủ theo Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 về Nguyên tắc đánh giá, xếp loại công tác quản lý ATTP của UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

2. Một số lưu ý về hồ sơ tự đánh giá, xếp loại

a) Mốc thời gian

- Quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm của UBND các phường:

+ Tự đánh giá, chấm điểm: Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá **trước ngày 01/11/2022**.

+ Thẩm định kết quả tự đánh giá **trước ngày 10/11/2022**.

+ Phê duyệt kết quả xếp loại: UBND thị xã xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm của UBND các phường **trước ngày 15/11/2022**.

+ Báo cáo kết quả thực hiện: UBND thị xã báo cáo kết quả về Sở Y tế **trước ngày 25/11/2022**.

- Quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm của UBND thị xã:

+ Các phòng, ban ngành đơn vị cấp thị (Phòng Y tế, Kinh tế, Trung tâm Y tế...) Tự đánh giá, chấm điểm: Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá **trước ngày 25/11/2022**.

+ BCĐLNATTP thị xã Thẩm định kết quả tự đánh giá **trước ngày 30/11/2022**.

+ Báo cáo kết quả về UBND tỉnh xếp loại về công tác quản lý an toàn thực phẩm **trước ngày 10/12/2022**.

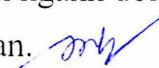
b) Mẫu báo cáo kết quả tự chấm điểm, đánh giá

- Các phòng, ban ngành đơn vị Cấp thị (theo hướng dẫn tại Phụ lục 1)

- UBND các phường (theo hướng dẫn tại Phụ lục 2)

3. Giao Phòng Y tế chủ trì phối hợp với Phòng kinh tế, triển khai thực hiện nghiêm túc và đúng quy định theo phân cấp quản lý.

Trung tâm Y tế chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả chấm điểm của 7 phường báo cáo về UBND thị xã (qua phòng Y tế) trước ngày 15/11/2022.

Trên đây là hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại công tác ATTP năm Yêu cầu Thủ trưởng các phòng ban ngành đơn UBND các phường triển khai thực hiện nghiêm túc đúng thời gian. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh(B/c);
- Sở Y tế(B/c);
- TT Thị ủy, TT HĐND (B/c);
- Chỉ cục ATTP (b/c);
- Lưu VT, YT. 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Phúc

Phụ lục 2

Mẫu báo cáo tự đánh giá, chấm điểm công tác quản lý an toàn thực phẩm của UBND cấp xã

(Ban hành kèm theo Công văn số /ATTP-NV ngày tháng năm của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Nghệ An)

**UBND XÃ (PHƯỜNG,
THỊ TRẤN)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..... ngày tháng năm.....

BÁO CÁO

Kết quả tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố, thị xã)....., tỉnh Nghệ An năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (thành phố, thị xã).....

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về tiêu chí chấm điểm và quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An. UBND xã (phường, thị trấn),..... báo cáo kết quả tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện huyện (thị xã, thành phố) năm như sau:

I. HÀNH CHÍNH

1. Diện tích (km²):
2. Dân số (người):
3. Số thôn, khối, xóm, bản:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Văn bản chỉ đạo

- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch triển khai theo yêu cầu của UBND tỉnh, các sở, ngành: Số lượng; (liệt kê số, ngày ban hành, trích yếu văn bản bằng phụ lục).

b) Hoạt động của Ban Chỉ đạo an toàn thực phẩm

- Quyết định thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo an toàn thực phẩm xã, phường, thị trấn, trong đó Chủ tịch UBND cấp xã là Trưởng Ban Chỉ đạo an toàn thực phẩm: Số, ngày ban hành, trích yếu văn bản.

- Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và phân công chức năng nhiệm vụ cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo: Số, ngày ban hành, trích yếu văn bản.

- Chế độ họp Ban Chỉ đạo: Số lần, thời gian và nội dung cuộc họp.

c) Công tác báo cáo

Số, ngày ban hành, trích yếu các báo cáo:

- Báo cáo theo Quyết định 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của BYT: 6 tháng, 1 năm, tháng hành động vì an toàn thực phẩm, vụ ngộ độc thực phẩm (nếu có).

- Báo cáo Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân, Tết Trung thu theo chỉ đạo cấp trên.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Công tác truyền thông, giáo dục, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm

a) Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm

- Số, ngày ban hành, trích yếu văn bản: Kế hoạch triển khai, công văn, giấy mời.

b) Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm

- Phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm: Số lớp, số người tham dự.

- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm: Tỷ lệ cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm tại xã, phường, thị trấn được đào tạo, tập huấn.

c) Xây dựng ấn phẩm truyền thông về an toàn thực phẩm

TT	Ấn phẩm truyền thông	Đơn vị triển khai	Số lượng
1	Phát thanh	...	...
2	Truyền hình	...	...
3	Tin bài trên báo viết/mạng xã hội...	...	...
4	Băng rôn, khẩu hiệu	...	...
5	Tờ rơi, áp phích	...	...
6	Pano	...	...
7	Đĩa hình	...	...
8	Đĩa âm	...	...
9	Khác	...	...

- Tự viết tin bài tuyên truyền về an toàn thực phẩm tại địa phương: Tổng hợp các bài viết (số, ngày tháng, tiêu đề).

d) Phối hợp tổ chức truyền thông, giáo dục về an toàn thực phẩm cho các hội, đoàn thể, ban ngành

Số lượng, nội dung hoạt động phối hợp

đ) Biểu dương, công khai cơ sở

- Biểu dương các cơ sở làm tốt các quy định về an toàn thực phẩm: Số lượng, nội dung

- Công khai các cơ sở không thực hiện đúng các quy định về an toàn thực phẩm trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phương tiện thông tin đại chúng: Số lượng, nội dung. Số cơ sở bị xử lý vi phạm; Tên, địa chỉ cơ sở vi phạm.

3. Công tác thống kê, lập danh sách quản lý an toàn thực phẩm

a). Theo dõi, cập nhật các cơ sở

- Sổ theo dõi hoặc phần mềm quản lý: Tình hình cập nhật

- Tổng số cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã:

Trong đó:

- + Số cơ sở sản xuất thực phẩm:
- + Số cơ sở kinh doanh thực phẩm:
- + Số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:
- + Cơ sở thức ăn đường phố:

TT	Lĩnh vực quản lý	Số lượng
1	Tổng số cơ sở	
2	Số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã ký cam kết/Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm	/...
3	Số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố đã ký cam kết/Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố thuộc diện phải thực hiện thủ tục cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm	/...

b) Giải tỏa các tụ điểm chợ cóc

Công tác giải tỏa các tụ điểm chợ cóc hoạt động dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, tụ điểm giao thông, xung quanh các chợ đã được phân hạng, các tụ điểm đã được phản ánh trên các phương tiện thông tin, báo chí gây bức xúc dư luận: Tỷ lệ chợ cóc, chợ tạm trên địa bàn được giải tỏa, không có chợ tái hoạt động.

4. Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

a) Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra

- Tổng số các đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành (định kỳ, đột xuất):
- Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra:
- Số cơ sở đạt:
- Số cơ sở vi phạm:
- Số cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính:
- Số tiền xử phạt:
- Các lỗi vi phạm về an toàn thực phẩm:
- Số cơ sở được kiểm tra, giám sát trong năm /Tổng số các cơ sở đã thống kê, lập danh sách:/.....

b) Xét nghiệm

Số cơ sở xét nghiệm nhanh/Tổng số cơ sở được kiểm tra, giám sát:

c) Xác minh, điều tra, xử lý, truy xuất thông tin không đảm bảo an toàn thực phẩm

Số vụ việc được xác minh, điều tra, xử lý và truy xuất/Tổng số vụ việc không đảm bảo an toàn thực phẩm:

5. Triển khai mô hình điểm về an toàn thực phẩm và quản lý ngộ độc thực phẩm

a) Mô hình điểm an toàn thực phẩm

- Duy trì mô hình điểm: Số lượng, nội dung, kết quả.
- Nhân rộng mô hình điểm: Số lượng, nội dung, kết quả.
- Tự xây dựng mới mô hình: Số lượng, nội dung, kết quả.

b) Quản lý ngộ độc thực phẩm

- Sổ theo dõi hoặc phần mềm theo dõi công tác quản lý ngộ độc thực phẩm: Tình hình cập nhật.

- Điều tra, xử lý, báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

c) Chuỗi cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn

Triển khai/Phối hợp xây dựng, duy trì, phát triển chuỗi cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn/điểm kinh doanh được xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trong năm: Số lượng, kết quả thực hiện.

6. Quản lý trang thiết bị và kinh phí an toàn thực phẩm

a) Quản lý trang thiết bị, hóa chất cho hoạt động an toàn thực phẩm

- Danh mục trang thiết bị, hóa chất được trang bị.

- Mục đích sử dụng.

b) Kinh phí an toàn thực phẩm

Phân bổ kinh phí cho an toàn thực phẩm từ nguồn UBND tỉnh cấp tại mục Phòng chống dịch - An toàn thực phẩm

- Tỷ lệ kinh phí cho an toàn thực phẩm /Tổng kinh phí từ nguồn Phòng chống dịch - An toàn thực phẩm.

7. Nghiên cứu khoa học

Số lượng, nội dung, kết quả nghiên cứu khoa học về an toàn thực phẩm

8. Công tác khen thưởng

Số lượng, nội dung khen thưởng (cấp huyện, cấp xã)

II. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. UBND tỉnh

2. UBND cấp huyện

3. Các đơn vị liên quan

Nơi nhận:

- ...;

- ...

LÃNH ĐẠO UBND CẤP XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên)